

doanh nghiệp không được sử dụng các giấy tờ này để cầm cố, thế chấp ở nhiều tổ chức tín dụng để vay vốn.

5. Trường hợp tổ chức tín dụng và doanh nghiệp thỏa thuận hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản phải có chứng nhận của cơ quan công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, thì cơ quan công chứng nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật căn cứ vào các loại giấy tờ chứng minh tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuộc quyền quản lý, sử dụng của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 1.3 Mục 1 Thông tư này để chứng nhận hoặc chứng thực hợp đồng cầm cố, thế chấp cho các bên.

6. Tổ chức thực hiện.

6.1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

6.2. Các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Địa chính hoặc Sở Địa chính - Nhà đất các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức tín dụng có trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

DƯƠNG THU HƯƠNG

KT. Bộ trưởng Bộ Tư pháp
Thứ trưởng

UÔNG CHU LƯU

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

KT. Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính
Phó Tổng cục trưởng

TRIỆU VĂN BÉ

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG - NGOẠI GIAO

THÔNG TƯ liên tịch số 2215/2000/TTLT/BKHCNMT-BNG ngày 23/11/2000 hướng dẫn thực hiện một số điều khoản thuộc Nghị định số 183/CP ngày 18/11/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

Thực hiện các Điều 46, 47, 48 Luật Khoa học và Công nghệ, các Điều 7, 9, 10, 17 và 23 Pháp lệnh về Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Điều 4, 5, 7, 12, 15, 20 Nghị định số 183/CP ngày 18/11/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nêu trên, trên cơ sở Quyết định số 280/CP ngày 01/9/1990 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Bộ phận Khoa học và Công nghệ trực thuộc Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước ngoài, liên Bộ Ngoại giao và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn các Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Cơ quan Đại diện), các Bộ phận Khoa học và Công nghệ ở nước ngoài thực hiện như sau:

I. TÊN GỌI

Các Bộ phận quản lý hoạt động khoa học và kỹ thuật trước đây thuộc các Cơ quan Đại diện có tên gọi thống nhất là Bộ phận Khoa học và Công nghệ Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết tắt là Bộ phận Khoa học và Công nghệ). Tên giao dịch tiếng Anh thống nhất là: Scientific and Technological Section of the Embassy of the S.R.V. (nơi nào không có Đại sứ quán thì gọi theo tên của Cơ quan Đại diện).

II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và môi trường và người đứng đầu Cơ quan Đại diện phân công.

2. Nắm vững các chủ trương, chính sách, biện pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Nghiên cứu chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển của nước sở tại, chủ trương phát triển quan hệ của nước sở tại với Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và bảo vệ môi trường để tham mưu và cung cấp thông tin cho người đứng đầu Cơ quan Đại diện và qua đó cho Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các cơ quan hữu quan trong nước về các chính sách, biện pháp và khả năng hợp tác trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và bảo vệ môi trường.

3. Giúp người đứng đầu Cơ quan Đại diện quản lý việc thực hiện kế hoạch hợp tác khoa học và công nghệ đã được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước sở tại hoặc với các Tổ chức quốc tế về khoa học và công nghệ đặt tại nước sở tại (sau đây gọi là nước sở tại). Căn cứ tình hình và khả năng hoạt động khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường của nước sở tại, nhu cầu và khả năng của ta, chủ động đề xuất phương hướng, nội dung, các hình thức hợp tác thích hợp và tham gia xây dựng kế hoạch chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và bảo vệ môi trường giữa Chính phủ ta và nước sở tại.

4. Từng bước thực hiện các yêu cầu về cảnh báo công nghệ, trong đó chú trọng thu thập và nghiên cứu các công nghệ tiên tiến, các công nghệ phù hợp với sản xuất trong nước trên địa bàn mình phụ trách và có các kiến nghị về nước để triển khai thực hiện (thông qua tài liệu, mời chuyên gia, triển khai các dự án hợp tác, đàm phán các bên hoặc mua bán bản quyền...).

5. Chuẩn bị và tham gia những cuộc họp, đàm phán về hợp tác trên lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và bảo vệ môi trường giữa hai nước tiến hành ở nước sở tại. Tham gia và hỗ trợ các cuộc họp, đàm phán và ký kết tiến hành ở trong nước khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

6. Quản lý và hỗ trợ các hoạt động của các đoàn và các cá nhân từ trong nước sang công tác tại nước sở tại trong khuôn khổ các thỏa thuận giữa hai Nhà nước về hợp tác khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường, báo cáo định kỳ, có nhận xét và kiến nghị đối với việc tổ chức các đoàn sang công tác. Phối hợp với các cơ quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các cơ quan có liên quan để tổ chức việc đào tạo cán bộ khoa học công nghệ tại địa bàn mình phụ trách.

7. Chủ động đề xuất với người đứng đầu Cơ quan Đại diện về việc tham gia các hội nghị, hội thảo, triển lãm và các hoạt động khác liên quan đến nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và bảo vệ môi trường được tổ chức ở nước sở tại. Tiếp xúc với các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học, kể cả cá nhân các nhà khoa học trong cộng đồng người Việt Nam ở nước sở tại để thu thập thông tin cần thiết báo cáo người đứng đầu Cơ quan Đại diện và các cơ quan có liên quan trong nước, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của họ xây dựng và phát triển các mối quan hệ hợp tác giữa các cơ quan đại diện, các cơ quan khoa học công nghệ trong nước với các tổ chức, cá nhân khoa học nước sở tại.

8. Căn cứ vào đặc điểm công tác của từng địa bàn và hướng dẫn cụ thể của các bộ phận chuyên trách của Cơ quan Đại diện, hàng năm lập dự toán kinh phí hoạt động thực hiện nhiệm vụ được giao và báo cáo với người đứng đầu Cơ quan Đại diện xem xét đưa vào dự trù kinh phí chung của Cơ quan Đại diện.

9. Kiến nghị với người đứng đầu Cơ quan Đại diện xem xét, giải quyết gia hạn thời gian nghiên cứu, khảo sát, thực tập khoa học cho các đoàn và cá nhân đang ở nước sở tại trong khuôn khổ các

thỏa thuận giữa hai Nhà nước về hợp tác khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường, sau khi tham khảo ý kiến các cơ quan chủ quản trong nước, trên cơ sở yêu cầu chuyên môn đặt ra để hoàn thành việc nghiên cứu khảo sát, thực tập khoa học.

10. Xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác, tin cậy lẫn nhau với các bộ phận thuộc Cơ quan Đại diện và các cơ quan hữu quan của nước sở tại.

11. Định kỳ báo cáo (6 tháng và hàng năm) thông qua người đứng đầu Cơ quan Đại diện, gửi cho Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Ngoại giao về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao nói ở trên.

III. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Bộ phận Khoa học và Công nghệ chịu sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên về công tác chính trị đối ngoại và quản lý nội bộ của người đứng đầu Cơ quan Đại diện, đồng thời chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ và chuyên môn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Trưởng Bộ phận Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo với người đứng đầu Cơ quan Đại diện những chủ trương, chỉ thị của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, xin ý kiến về các chương trình, kế hoạch công tác, chủ trương và báo cáo kết quả thực hiện, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Cơ quan Đại diện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Bộ phận Khoa học và Công nghệ được Bộ Ngoại giao và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thường xuyên cung cấp những thông tin, tư liệu cần thiết để phục vụ cho các nhiệm vụ của mình. Cơ quan đầu mối liên lạc của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là Vụ Quan hệ quốc tế. Vụ Quan hệ quốc tế có nhiệm vụ giúp lãnh đạo Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường truyền đạt những thông tin cần thiết và các ý kiến chỉ đạo của Bộ cho Bộ phận Khoa học và Công nghệ thông qua người đứng đầu Cơ quan Đại diện của Việt Nam ở nước sở tại.

3. Hội nghị các thành viên của Bộ phận Khoa học và Công nghệ tiến hành định kỳ 2 năm một lần để trao đổi kinh nghiệm công tác, phổ biến chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và môi trường, kiến nghị các biện pháp nhằm đẩy mạnh quan hệ hợp tác khoa học, công nghệ và môi trường giữa nước ta và nước sở tại. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quyết định về thành phần, thời gian và địa điểm Hội nghị sau khi thỏa thuận với Bộ Ngoại giao.

4. Bộ phận Khoa học và Công nghệ có thể có các viên chức ngoại giao từ Tùy viên đến Tham tán và nếu xét thấy cần có thể thêm một số nhân viên. Số lượng cán bộ nhân viên của Bộ phận Khoa học và Công nghệ do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường giới thiệu, được lãnh đạo hai Bộ thỏa thuận quyết định sau khi có ý kiến đồng ý của Chính phủ. Đối với cán bộ được cử đi làm Trưởng Bộ phận Khoa học và Công nghệ cần phải đạt các yêu cầu sau:

- Có ít nhất 5 năm công tác sau khi tốt nghiệp đại học;
- Có khả năng độc lập xử lý công việc;
- Biết ít nhất là 2 ngoại ngữ, trong đó thông thạo một ngoại ngữ làm việc chính;
- Có đủ sức khỏe để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, trong các điều kiện làm việc, sinh hoạt, khí hậu của nơi đến công tác;
- Có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên, không ở trong diện đang xem xét về mặt vi phạm pháp luật;
- Nắm được tình hình các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - khoa học công nghệ của đất nước;
- Hiểu biết các hoạt động và tổ chức của hệ thống nghiên cứu và quản lý khoa học, công nghệ và môi trường trong nước;
- Hiểu biết về nước sở tại và nắm vững quan hệ hợp tác hai bên cũng như sự phát triển khoa học công nghệ của địa bàn sẽ đến;

- Có khả năng giao tiếp tốt và nắm được các quy định về ngoại giao;

- Có ngoại hình chấp nhận được đối với công tác đối ngoại.

Trường hợp đặc biệt nằm ngoài các tiêu chuẩn trên sẽ do lãnh đạo hai Bộ thỏa thuận quyết định.

5. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được Chính phủ phê duyệt và tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị định số 183/CP ngày 18/11/1994 của Chính phủ và khả năng hoàn thành nhiệm vụ trong Bộ phận Khoa học và Công nghệ xét chọn và giới thiệu cán bộ, nhân viên cho Bộ Ngoại giao. Bộ Ngoại giao kiểm tra ngoại ngữ và bồi dưỡng nghiệp vụ chính trị đối ngoại đối với các đồng chí này để đảm bảo cử người đúng tiêu chuẩn vào các vị trí công tác.

Chức vụ ngoại giao của cán bộ được cử đi công tác do Bộ Ngoại giao quyết định trên cơ sở nhất trí giữa hai Bộ, phù hợp với Pháp lệnh về hàm cấp ngoại giao, có tính đến tình hình cụ thể của Cơ quan Đại diện và quá trình công tác của cán bộ được cử.

6. Nhiệm kỳ công tác của các thành viên trong Bộ phận Khoa học và Công nghệ là 3 năm.

Trong trường hợp đặc biệt, do nhu cầu công tác, trên cơ sở ý kiến của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ra quyết định kéo dài nhiệm kỳ công tác của thành viên Bộ phận Khoa học và Công nghệ sau khi tham khảo ý kiến của người đứng đầu Cơ quan Đại diện. Thời gian kéo dài không quá 18 tháng. Người được kéo dài nhiệm kỳ công tác được hưởng chế độ sinh hoạt phí, phụ cấp may mặc và các chế độ khác do Nhà nước quy định phù hợp với thời gian được kéo dài.

IV. VỀ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Người đứng đầu Cơ quan Đại diện có trách

nhiệm bố trí nơi làm việc, chỗ ở, phương tiện hoạt động cho cán bộ, nhân viên của Bộ phận Khoa học và Công nghệ theo khả năng ngân sách của Cơ quan.

2. Căn cứ theo mức kinh phí hàng năm của Cơ quan Đại diện được cấp và dự trù của Bộ phận Khoa học và Công nghệ, người đứng đầu Cơ quan Đại diện xác định hạn mức kinh phí của Bộ phận Khoa học và Công nghệ. Bộ phận Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện kế hoạch chi tiêu đã được duyệt và tuân theo các hướng dẫn cụ thể của Cơ quan Đại diện trên cơ sở các quy định hiện hành. Trường hợp do yêu cầu riêng của hoạt động khoa học công nghệ cần chi tiêu đột xuất ngoài dự toán, Bộ phận Khoa học và Công nghệ cần báo cáo cụ thể với người đứng đầu Cơ quan Đại diện xem xét quyết định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, các Cơ quan Đại diện cần báo cáo Bộ Ngoại giao và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để phối hợp giải quyết./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
Thủ trưởng

CHU HẢO

KT. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Thủ trưởng

CHU TUẤN CẤP